

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày: 22-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Đăng Hùng

Ông Hoàng Viết Diệm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HS ngày 08/10/2018 đối với bị cáo:

Nông Thị Lan H. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 08/4/1975, tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 12/12. Dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Minh H (đã chết) và bà Ma Thị Đ; chồng: Thái Kim L, đã ly hôn và Nông Lương H, đã ly hôn; con: có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: 01: Bản án số 14/2014/HSST ngày 24/12/2014 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (*sáu mươi*) tháng về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Ông **Trần Văn B.** Sinh năm 1947. Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông **Ma Văn T.** Sinh năm 1954. Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Trần Thị R.** Sinh năm 1951 (Là vợ ông T). Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

3. Ông **Nguyễn Như P.** Sinh năm 1955. Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Ông P đã chết ngày 17/11/2017).

Người đại diện hợp pháp: Anh **Nguyễn Như T.** Sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Là con đẻ của ông P). Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông **Hoàng Văn T.** Sinh năm 1953. Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông **Hà Văn Đ.** Sinh năm 1945. Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

- Chị **Đặng Thị N,** sinh năm 1978 và anh **Bàn Văn M,** sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện hợp pháp: Chị **Đặng Thị N** (Anh M ủy quyền cho chị N tham gia tố tụng). Có mặt tại phiên tòa.

- Ông **Triệu Phúc B.** Sinh năm 1950. Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông **Lý V** (Tên gọi khác: Lý Văn V). Sinh năm 1945. Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông **Lộc Mạnh H.** Sinh năm 1956. Nơi cư trú: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông **Trần Văn H.** Sinh năm 1953. Nơi cư trú: Phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông **Nguyễn Văn K.** Sinh năm 1955. Nơi cư trú: Phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông **Triệu Văn H.** Sinh năm 1949. Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông **Lăng Văn P.** Sinh năm 1942. Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông **Dương Đình G.** Sinh năm 1942. Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông **Hà Văn M.** Sinh năm 1950. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Anh **Đào Đắc T.** Sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ 12, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

- Ông **Triệu Văn B.** Sinh năm 1944. Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

- Anh **Hà Văn Đ.** Sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà **Trần Thị N.** Sinh năm 1953. Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông **Trần Văn C.** Sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

- Bà **Nguyễn Thị N.** Sinh năm 1954. Nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà **Nguyễn Thị T.** Sinh năm 1958. Nơi cư trú: : Thôn B, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông **Bàn Văn V.** Sinh năm 1947. Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh **Bàn Văn T.** Sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông **Bàn Văn T.** Sinh năm 1938. Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị **Bàn Thị Đ.** Sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà **Đào Thị N.** Sinh năm 1948. Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh

Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị **Triệu Thị N.** Sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà **Nông Thị H.** Sinh năm 1972. Trú tại: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà **Hà Thị H.** Sinh năm 1957. Nơi cư trú: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông **Dương Văn N.** Sinh năm 1963. Nơi cư trú: Tổ 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh **Trần Văn X.** Sinh năm 1979. Nơi cư trú: Phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà **Hoàng Thị B.** Sinh năm 1959. Nơi cư trú: Phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị **Hà Thị H.** Sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị **Trần Thị T.** Sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông **Phạm Văn L.** Sinh năm 1952. Nơi cư trú: Tổ 7, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2015 đến năm 2017, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, Nông Thị Lan H công tác tại Trung tâm giám định y khoa tỉnh Bắc Kạn đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác. H liên hệ với một số người đã từng đến Trung tâm giám định y khoa tỉnh Bắc Kạn giám định tỷ lệ thương tật làm hồ sơ nhưng không đủ điều kiện để được hưởng chế độ chất độc da cam. Khi trao đổi, H đưa ra thông tin là H có khả năng “chạy” làm hồ sơ để những người này được hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam với điều kiện họ phải đưa tiền theo yêu cầu của H. Sau khi đã nhận được tiền từ những người này (dưới hình thức viết giấy vay tiền), H đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng tháng 4/2015, Nông Thị Lan H tìm đến nhà ông Trần Văn B, sinh năm 1947, trú tại: thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. H hứa hẹn nếu ông B đưa tiền thì H sẽ “chạy” làm hồ sơ để ông B được hưởng chế độ trợ cấp cho người nhiễm chất độc da cam. Tin lời hứa hẹn của H, ông B đã đưa cho H số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*), khi nhận tiền, H viết cho ông B một tờ giấy với nội dung “Giấy vay tiền” để làm tin. Sau khi nhận tiền, H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lần 2: Khoảng tháng 4/2015, ông Trần Văn B dẫn H đến nhà ông Ma Văn T, sinh năm 1954, trú tại: thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, với thủ đoạn lừa “chạy” làm hồ sơ để hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam, H đã chiếm đoạt của ông T số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*), H viết cho ông T một tờ giấy với nội dung “Giấy vay tiền” để làm tin. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lần 3: Khoảng tháng 4/2015, qua giới thiệu của ông Trần Văn B, H tìm đến nhà ông Hoàng Văn T, sinh năm 1953, trú tại: thôn B, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Với thủ đoạn lừa “chạy” làm hồ sơ để hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam, H đã chiếm đoạt của ông T số tiền 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), H viết cho ông T một tờ giấy với nội dung “Giấy vay tiền” để làm tin. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lần 4: Khoảng tháng 4/2015, H tự tìm đến nhà ông Hà Văn Đ, sinh năm 1945, trú tại: thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, với thủ đoạn lừa “chạy” làm hồ sơ để hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam, H đã chiếm đoạt của ông Đ số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), H viết cho ông Đ một tờ giấy với nội dung “Giấy vay tiền” để làm tin. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lần 5: Khoảng tháng 4/2015, H tìm số điện thoại và liên hệ với chị Đặng Thị N, sinh năm 1978 và chồng là anh Bàn Văn M, sinh năm 1979, cùng trú tại: thôn Nà H, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. H hứa hẹn nếu anh M, chị N đưa tiền thì H sẽ “chạy” làm hồ sơ để ông Bàn Văn T (bố đẻ của anh M) được hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam. Qua nhiều lần trao đổi, chị N đã đưa cho H số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*), H viết cho anh M, chị N một tờ giấy với nội dung “Giấy vay tiền” để làm tin. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lần 6: Khoảng tháng 5/2015, qua giới thiệu của ông Hoàng Văn T, H tìm đến nhà ông Nguyễn Như P, sinh năm 1955, trú tại: thôn B, xã D, huyện B, tỉnh

Bắc Kạn, với thủ đoạn lừa “chạy” làm hồ sơ để hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam, H đã chiếm đoạt của ông Phận số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*), H viết cho ông P một tờ giấy với nội dung “Giấy vay tiền” để làm tin. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lần 7: Khoảng tháng 10/2015, H tìm đến nhà ông Triệu Phúc B, sinh năm 1950, trú tại: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, với thủ đoạn lừa “chạy” làm hồ sơ để hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam, H đã chiếm đoạt của ông B số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*), H viết cho ông B một tờ giấy với nội dung “Giấy vay tiền” để làm tin. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lần 8: Khoảng tháng 3/2017, H tìm đến nhà ông Lý V, sinh năm 1945, trú tại thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, với thủ đoạn lừa “chạy” làm hồ sơ để hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam, H đã chiếm đoạt của ông V số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*), H viết cho ông V một tờ giấy với nội dung “Giấy vay tiền” để làm tin. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lần 9: Khoảng tháng 3/2017, H tìm đến nhà ông Lộc Mạnh H, sinh năm 1956, trú tại: phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, với thủ đoạn lừa “chạy” làm hồ sơ để hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam, H đã chiếm đoạt của ông H số tiền 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*), H viết cho ông H một tờ giấy với nội dung “Giấy vay tiền” để làm tin. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lần 10: Khoảng tháng 4/2017, qua giới thiệu của ông Lộc Mạnh H, H tìm gặp ông Trần Văn H, sinh năm 1953, trú tại: phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, với thủ đoạn lừa “chạy” làm hồ sơ để hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam, H đã chiếm đoạt của ông Hải số tiền 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*), H viết cho ông H một tờ giấy với nội dung “Giấy vay tiền” để làm tin. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lần 11: Khoảng tháng 4/2017, qua giới thiệu của ông Trần Văn H, H tìm đến nhà ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1955, trú tại: phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, với thủ đoạn lừa “chạy” làm hồ sơ để hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam, H đã chiếm đoạt của ông K số tiền 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*), H viết cho ông K một tờ giấy với nội dung “Giấy vay tiền” để làm tin. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lần 12: Ngày 16/4/2017, ông Trần Văn H dẫn H đến nhà ông Triệu Văn H, sinh năm 1949, trú tại: thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, với thủ đoạn lừa “chạy” làm hồ sơ để hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam, H đã chiếm đoạt của ông H số tiền 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*). Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lần 13: Khoảng tháng 5/2017, ông Trần Văn H dẫn H đến nhà ông Triệu Văn B, sinh năm 1953, trú tại: thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, sau đó ông B gọi ông Lăng Văn P, sinh năm 1942, trú cùng thôn đến nhà và nói chuyện trao đổi về việc chế độ hưởng trợ cấp chất độc da cam. Với thủ đoạn lừa “chạy” làm hồ sơ để hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam, H đã chiếm đoạt của ông P số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*). Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lần 14: Khoảng tháng 6/2017, qua giới thiệu của ông Triệu Văn B, H tìm gặp ông Dương Đình G, sinh năm 1942, trú tại: thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, với thủ đoạn lừa “chạy” làm hồ sơ để hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam, H đã chiếm đoạt của ông G số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*). Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lần 15: Khoảng tháng 9/2017, qua giới thiệu của ông G, H tìm đến nhà và trao đổi với ông Hà Văn M, sinh năm 1950, trú tại: thôn Đ, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. H hứa hẹn nếu ông M đưa tiền, H sẽ “chạy” làm hồ sơ để ông M được hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam. Ngày 02/10/2017, khi ông M đang giao tiền cho H 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) tại phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn thì bị Công an huyện B phát hiện lập biên bản và mời về Công an huyện để làm rõ. (Tất cả những lần thực hiện hành vi nêu trên H sử dụng phương tiện để đi lại bằng xe ôm, xe khách. Do thời gian đã lâu nên H không xác định được đi xe ôm với ai và đi xe khách của nhà xe nào).

Tại Bản cáo trạng số 12/CT-VKS-BT ngày 12/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nông Thị Lan H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 139/ BLHS 2009;

*** Điều 139/BLHS 2009 có nội dung:**

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi

phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2.

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

b) ...”

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

* Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 51/BLHS.

Xử phạt bị cáo Nông Thị Lan H từ 07 đến 08 năm tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 17/2018/HS-ST ngày 08/8/2018 của TAND huyện N. Buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của các bản án. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42/BLHS, các điều 584, 585, 586 và Điều 589/BLDS. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt, cụ thể:

- Bồi thường cho ông Trần Văn B, sinh năm 1947, trú tại: thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Ma Văn T, sinh năm 1954, trú tại: thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Hoàng Văn T, sinh năm 1953, trú tại: thôn B, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Bồi thường cho ông Hà Văn Đ, sinh năm 1945, trú tại: thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

- Bồi thường cho chị Đặng Thị N, sinh năm 1978 và anh Bàn Văn M, sinh năm 1979, cùng trú tại: thôn Nà H, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*).

- Bồi thường cho anh Nguyễn Như T, sinh năm 1984, trú tại: thôn B, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Triệu Phúc B, sinh năm 1950, trú tại: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Lý V, sinh năm 1945, trú tại thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Lộc Mạnh H, sinh năm 1956, trú tại: phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Trần Văn H, sinh năm 1953, trú tại: phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1955, trú tại: phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Triệu Văn H, sinh năm 1949, trú tại: thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*).

- Bồi thường cho ông Lăng Văn P, sinh năm 1942, trú tại: thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Dương Đình G, sinh năm 1942, trú tại: thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*).

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41/BLHS; Điều 106/BLTTHS 2015.

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án:

+ 02(hai) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Trần Văn B giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 28/01/2017 do ông Hoàng Văn T giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Ma Văn T giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 28/5/2015 và ngày 01/6/2016 do ông Nguyễn Như P giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Bàn Văn M giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Hà Văn Đ giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 01/6/2016 do ông Triệu Phúc B giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 08/3/2017 do ông Lý V giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Lộc Mạnh H giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 15/4/2017 và ngày 16/4/2017 do ông Trần Văn H giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 21/5/2017 do ông Nguyễn Văn K giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” tạm giữ khi phát hiện việc giao tiền giữa ông Hà Văn M và Nông Thị Lan H ngày 02/10/2017;

+ 06(sáu) tờ giấy kẻ ô có chữ ký của Hoàng Văn T và 03 (ba) phong bì không dán bên trong không có gì, bên ngoài có chữ ký của Hoàng Văn T do bị cáo H giao nộp.

- 01(một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, tạm giữ của Nông Thị Lan H (H đã sử dụng chiếc điện thoại trên để trao đổi với những người bị hại khi thực hiện hành vi của mình), tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước;

- Đối với số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) tạm giữ khi Cơ quan CSĐT Công an huyện B phát hiện việc giao tiền giữa ông Hà Văn M và Nông Thị Lan H, ngày 11/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là ông Hà Văn M.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave BKS 97B1-65491 của anh Đào Đắc T, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh T.

- Một số điện thoại di động của những người bị hại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không thu giữ được.

- 01 (một) túi xách màu đen của Nông Thị Lan H tạm giữ để bảo đảm thi hành án cho bị cáo;

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và nói lời sau cùng xin lỗi các bị hại.

Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt và đề nghị xử lý bị cáo theo quy định. Ông Hà Văn M đã nhận đủ số tiền 7.000.000 đồng do bị cáo chiếm

đoạt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đào Đắc T đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì thêm.

Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định từ năm 2015 đến năm 2017, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, bị cáo Nông Thị Lan H công tác tại Trung tâm giám định y khoa tỉnh Bắc Kạn đã nảy sinh ý định thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác. Để thực hiện, H tự liên hệ với một số người đã từng đến Trung tâm giám định y khoa tỉnh Bắc Kạn giám định tỷ lệ thương tật làm hồ sơ nhưng không đủ điều kiện để được hưởng chế độ chất độc da cam. Khi trao đổi, H đưa ra thông tin là H có khả năng “chạy” làm hồ sơ để những người này được hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam với điều kiện họ phải đưa tiền cho H theo mức H yêu cầu. Sau khi nhận tiền bị cáo H đều viết giấy vay nợ đưa cho những người này để làm tin. Từ năm 2015 đến năm 2017, H đã dùng thủ đoạn lừa “chạy” làm hồ sơ để được hưởng chế độ trợ cấp chất độc da cam cho 15 trường hợp chiếm đoạt tổng số tiền là: 227.600.000đ (*Hai trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng*). Sau khi đã nhận được tiền từ những người này bị cáo H đã chi tiêu cá nhân hết. Cụ thể: chiếm đoạt của ông Trần Văn B số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*), ông Ma Văn T số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*), ông Hoàng Văn T số tiền 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), ông Hà Văn Đ số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), chị Đặng Thị N và anh Bàn Văn M số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*), ông Nguyễn Như P số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*), ông Triệu Phúc B số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*), ông Lý V số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*), ông Lộc Mạnh H số tiền 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*), ông Trần Văn H số tiền 23.000.000đ

(Hai mươi ba triệu đồng), ông Nguyễn Văn K số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng), ông Triệu Văn H số tiền 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng), ông Lăng Văn P số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), ông Dương Đình G số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng), ông Hà Văn M số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Khi vừa nhận tiền của ông M thì bị phát hiện.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó việc truy tố, xét xử bị cáo Nông Thị Lan H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3, Điều 139/BLHS 2009 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- Bị cáo có nhân thân xấu: Tại bản án số 14/2014/HSST ngày 24/12/2014 bị TAND thị xã B xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Bản án số 17/2018/HS-ST ngày 29/6/2018 của TAND thành phố B xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Bản án số 17/2018/HS-ST ngày 08/8/2018 của TAND huyện N xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 15/10/2018 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo bồi thường cho ông Hoàng Văn T được 8.000.000đ và ông Hà Văn Đ được 5.000.000đ nên bị cáo được hưởng tình tiết “Người phạm tội tự nguyện khắc phục, bồi thường thiệt hại”, Trong quá trình điều tra bị cáo tự khai hành vi phạm tội đối với một số người bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết “Người phạm tội tự thú” và được hưởng tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm b, o, p khoản 1 Điều 46/BLHS. Bị cáo có mẹ đẻ là bà Ma Thị Đ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương vì sự nghiệp dân số nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46/BLHS. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Phạm tội nhiều lần”, “Tái phạm” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48/BLHS.

Tại bản án số 14/2014/HSST ngày 24/12/2014 bị TAND thị xã B xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản”. Trong thời gian chấp hành bản án này bị cáo phạm tội nên tại Bản án số 17/2018/HS-ST ngày 29/6/2018 của TAND thành phố B áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 5 Điều 60, khoản 2 Điều 51/BLHS xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp với bản án số 14/2014/HSST ngày 24/12/2014. Buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt là 42 tháng tù. Tại Bản án số 17/2018/HS-ST ngày 08/8/2018 của TAND huyện N áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 51/BLHS xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với bản án số 17/2018/HS-ST ngày 29/6/2018 của TAND thành phố B. Buộc bị cáo chấp hành chung là 54 tháng tù. Bản án này đã có hiệu lực pháp luật do đó HĐXX áp dụng Điều 51/BLHS tổng hợp hình phạt của các bản án. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của các bản án.

[4].Về hình phạt bổ sung: Tại thời điểm phạm tội bị cáo công tác tại Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bắc Kạn. Từ tháng 12/2017 bị cáo bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc. Xét thấy hiện tại bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản, đang phải chấp hành hình phạt tù của các bản án nên không có khả năng thi hành do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5].Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy thiệt hại thực tế xảy ra và bị hại có yêu cầu bị cáo bồi thường nên căn cứ vào Điều 42/BLHS, các điều 584, 585, 586 và Điều 589/BLDS buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

- Bồi thường cho ông Trần Văn B, sinh năm 1947, trú tại: thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Ma Văn T, sinh năm 1954, trú tại: thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Hoàng Văn T, sinh năm 1953, trú tại: thôn B, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Bồi thường cho ông Hà Văn Đ, sinh năm 1945, trú tại: thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

- Bồi thường cho chị Đặng Thị N, sinh năm 1978 và anh Bàn Văn M, SN 1979, cùng trú tại: thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*).

- Bồi thường cho anh Nguyễn Như T, sinh năm 1984, trú tại: thôn B, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Triệu Phúc B, sinh năm 1950, trú tại: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*).
- Bồi thường cho ông Lý V, sinh năm 1945, trú tại thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*).
- Bồi thường cho ông Lộc Mạnh H, sinh năm 1956, trú tại: phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*).
- Bồi thường cho ông Trần Văn H, sinh năm 1953, trú tại: phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*).
- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1955, trú tại: phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*).
- Bồi thường cho ông Triệu Văn H, sinh năm 1949, trú tại: thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*).
- Bồi thường cho ông Lăng Văn Phở, sinh năm 1942, trú tại: thôn Nà Pải, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*).
- Bồi thường cho ông Dương Đình G, sinh năm 1942, trú tại: thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*).

Ông Hà Văn M đã nhận đủ số tiền 7.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6].+ Trong vụ án này, anh Đào Đắc T cho bị cáo Nông Thị Lan H mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave BKS 97B1-65491, sau đó H đã sử dụng chiếc xe mô tô này để thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên khi cho mượn xe, anh T không biết mục đích mượn xe của H nên Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại chiếc xe mô tô cho anh T. Qua xác minh được biết hiện anh T không có mặt ở địa phương, Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập tham gia phiên tòa theo quy định. Tại giai đoạn điều tra anh T đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì thêm. Trường hợp anh T có yêu cầu gì thêm sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

+ Ông B đã giới thiệu cho H gặp ông P, ông G, ông B giới thiệu cho H đến nhà ông T và ông T, ông T đã giới thiệu H cho ông P, ông H giới thiệu cho H gặp ông H ông H giới thiệu H gặp ông K, ông H, ông G, tuy nhiên, khi giới thiệu ông B, ông B, ông T, ông H, ông H, ông G không biết hành vi lừa đảo của H và không được hưởng lợi gì từ vụ việc trên nên Cơ quan CSĐT Công an huyện B không xem xét xử lý.

[8]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án:

+ 02(hai) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Trần Văn B giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 28/01/2017 do ông Hoàng Văn T giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Ma Văn T giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 28/5/2015 và ngày 01/6/2016 do ông Nguyễn Như P giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Bàn Văn M giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Hà Văn Đ giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 01/6/2016 do ông Triệu Phúc B giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 08/3/2017 do ông Lý V giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Lộc Mạnh H giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 15/4/2017 và ngày 16/4/2017 do ông Trần Văn H giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 21/5/2017 do ông Nguyễn Văn K giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” tạm giữ khi phát hiện việc giao tiền giữa ông Hà Văn M và Nông Thị Lan H ngày 02/10/2017;

+ 06(sáu) tờ giấy kẻ ô có chữ ký của Hoàng Văn T và 03 (ba) phong bì không dán bên trong không có gì, bên ngoài có chữ ký của Hoàng Văn T do bị cáo H giao nộp.

- 01(một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, tạm giữ của bị cáo Nông Thị Lan H đã sử dụng để trao đổi với những người bị hại khi thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước;

- Đối với số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) tạm giữ khi Cơ quan CSĐT Công an huyện B phát hiện việc giao tiền giữa ông Hà Văn M và Nông Thị Lan H, ngày 11/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là ông Hà Văn M.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave BKS 97B1-65491 của anh Đào Đắc T, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh T.

- Một số điện thoại di động của những người bị hại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B không thu giữ được.

- 01 (một) túi xách màu đen của Nông Thị Lan H tạm giữ để bảo đảm thi hành án cho bị cáo;

[9]. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* **Tuyên bố:** Bị cáo Nông Thị Lan H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 51/BLHS.

Xử phạt bị cáo Nông Thị Lan H 07 (*Bảy*) năm tù. Tổng hợp với hình phạt tù tại Bản án số 17/2018/HS-ST ngày 08/8/2018 của TAND huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo 54 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11 (*Mười một*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành bản án.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42/BLHS, các điều 584, 585, 586 và Điều 589/BLDS buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

- Bồi thường cho ông Trần Văn B, sinh năm 1947, trú tại: thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Ma Văn T, sinh năm 1954, trú tại: thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Hoàng Văn T, sinh năm 1953, trú tại: thôn B, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Bồi thường cho ông Hà Văn Đ, sinh năm 1945, trú tại: thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

- Bồi thường cho chị Đặng Thị N, sinh năm 1978 và anh Bàn Văn M, SN 1979, cùng trú tại: thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*)

- Bồi thường cho anh Nguyễn Như T, sinh năm 1984, trú tại: thôn B, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Triệu Phúc B, sinh năm 1950, trú tại: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Lý V, sinh năm 1945, trú tại thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Lộc Mạnh H, sinh năm 1956, trú tại: phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Trần Văn H, sinh năm 1953, trú tại: phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1955, trú tại: phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Triệu Văn H, sinh năm 1949, trú tại: thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*).

- Bồi thường cho ông Lăng Văn P, sinh năm 1942, trú tại: thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Dương Đình G, sinh năm 1942, trú tại: thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*).

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357/BLDS về việc hướng dẫn tính lãi xuất.

** Về vật chứng:* Áp dụng Điều 41/BLHS; Điều 106/BLTTHS 2015.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án:

+ 02(hai) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Trần Văn B giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 28/01/2017 do ông Hoàng Văn T giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Ma Văn T giao nộp;

+ 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 28/5/2015 và ngày 01/6/2016 do ông Nguyễn Như P giao nộp;

- + 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Bàn Văn M giao nộp;
- + 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Hà Văn Đ giao nộp;
- + 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 01/6/2016 do ông Triệu Phúc B giao nộp;
- + 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 08/3/2017 do ông Lý V giao nộp;
- + 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” do ông Lộc Mạnh H giao nộp;
- + 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 15/4/2017 và ngày 16/4/2017 do ông Trần Văn H giao nộp;
- + 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” ghi ngày 21/5/2017 do ông Nguyễn Văn K giao nộp;
- + 01(một) tờ giấy có nội dung “giấy vay tiền” tạm giữ khi phát hiện việc giao tiền giữa ông Hà Văn M và Nông Thị Lan H ngày 02/10/2017;
- + 06(sáu) tờ giấy kẻ ô có chữ ký của Hoàng Văn T và 03 (ba) phong bì không dán bên trong không có gì, bên ngoài có chữ ký của Hoàng Văn T do bị cáo H giao nộp.
- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01(một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105 màu đen của bị cáo Nông Thị Lan H.
- Tạm giữ để bảo đảm thi hành án cho bị cáo: 01 (một) túi xách màu đen của bị cáo.

Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 10.380.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 1;
- Bị hại 15;
- NCQLNVLQ 1;
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Thị Thúy

